

**Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**  
**Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

**Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật**

**1.1. Giới thiệu chung về gói thầu**

- Tên dự toán mua sắm: Thực hiện nhiệm vụ bảo vệ rừng đặc dụng sử dụng kinh phí Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2025
- Địa điểm thực hiện: Vườn quốc gia Yok Đôn.
- Tên gói thầu: Gói 4 - Mua máy móc chuyên dùng phục vụ công tác PCCCR
- Hình thức đấu thầu: Chào hàng cạnh tranh, trong nước, qua mạng.
- Phương thức đấu thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.
- Thời gian thực hiện gói thầu: Tối đa 30 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Nguồn vốn: Ngân sách Nhà nước

**1.2. Yêu cầu về kỹ thuật**

*Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp, dịch vụ liên quan của gói thầu phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn tối thiểu sau đây:*

Stt	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
1.	Máy cắt thực bì	<ul style="list-style-type: none"><li>- Động cơ: 2 thì.</li><li>- Dung tích xy lanh: 25.4 cc.</li><li>- Công suất: 0.8 kW.</li><li>- Công suất tối đa: 7500 vòng/phút.</li><li>- Dung tích bình xăng: <math>\geq 0.75</math> lít.</li><li>- Mức tiêu thụ nhiên liệu: <math>\leq 720</math>g/kWh.</li><li>- Tốc độ chạy không tải: 3000 vòng/phút.</li><li>- Bugi: NGK BPMR7A hoặc tương đương.</li><li>- Khoảng cách đánh lửa: 0.6m.</li><li>- Tốc độ đóng côn: 4200 vòng/phút (<math>\pm 120</math> vòng/phút).</li><li>- Loại bôi trơn: Mineralgrease hoặc tương đương.</li><li>- Mức độ rung: 1.5/1.5 m/s<sup>2</sup>.</li><li>- Mức âm thanh: 93dB (A) khi vận hành, 112 dB (A) cho phép.</li><li>- Số truyền động: 1:1.46.</li><li>- Góc bánh răng truyền động: 30 độ.</li><li>- Đầu cắt cỏ: T35 M10.</li><li>- Lưỡi cắt cỏ: Multi 255-3.</li><li>- Dây đeo: Đôi tiêu chuẩn.</li><li>- Trọng lượng: <math>\leq 5.1</math> kg (không bao gồm lưỡi cắt).</li></ul>
2.	Máy thổi gió đeo vai	<ul style="list-style-type: none"><li>- Dung tích xi lanh (cm<sup>3</sup>): 62</li><li>- Lưu lượng gió (m<sup>3</sup>/phút): <math>\geq 15</math></li></ul>

Stt	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công suất (Kw): 2.9</li> <li>- Tốc độ gió max (m/s): 83</li> <li>- Khối lượng (kg): <math>\leq 8.6</math></li> <li>- Dung tích bình nhiên liệu (lít): 2</li> <li>- Bộ lọc gió: Hơi ẩm</li> <li>- Ống thổi tiêu chuẩn: <math>\varnothing 66</math></li> </ul>
3.	Máy bơm nước chữa cháy	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công suất: 3.6 kw</li> <li>- Cột áp: <math>\geq 23\text{m}</math></li> <li>- Lưu lượng: <math>\geq 1100</math> lít/phút</li> <li>- Cỡ nòng: DN80-80</li> <li>- Thương hiệu: HONDA hoặc tương đương</li> </ul>
4.	Máy cưa xăng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại máy: Động cơ 2 thì, làm mát bằng gió</li> <li>- Dung tích xilanh: <math>72.0\text{ cm}^3</math></li> <li>- Công suất: 3.9 KW – 5.3 HP</li> <li>- Tốc độ lớn nhất: 9,500 vòng/phút</li> <li>- Tốc độ không tải: 2,800 vòng/phút</li> <li>- Lam: Lam trượt 25" (63-76 cm), bước xích 3/8", chân xích 1.6mm</li> <li>- Dung tích bình xăng: <math>\geq 0.68</math> lít</li> <li>- Dung tích bình nhớt: <math>\geq 0.36</math> lít</li> <li>- Độ rung (trước – sau): <math>5.3\text{ m/s}^2 - 7.1\text{ m/s}^2</math></li> <li>- Độ ồn cho phép: <math>\leq 115\text{ dB(A)}</math></li> <li>- Trọng lượng (chưa lam xích): <math>\leq 6.6\text{ kg}</math></li> </ul>

- Trong yêu cầu về kỹ thuật cụ thể của hàng hoá cung cấp trong E-HSMT có thể nêu nhãn hiệu, Catalogue của một sản phẩm cụ thể nào đó. Điều đó chỉ để mang tính chất tham khảo, minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa cần cung cấp. Việc đưa ra các yêu cầu trên không nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng.

- Bất kỳ thương hiệu, mã hiệu (nếu có) trong các bảng yêu cầu kỹ thuật để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu, nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng “tương đương” hoặc “tốt hơn” so với các yêu cầu tối thiểu.

### 1.3 Các yêu cầu khác

- Thông số kỹ thuật: Hàng hóa cung cấp phải đúng chủng loại, đúng thông số kỹ thuật, phù hợp như mô tả tại bảng yêu cầu về kỹ thuật. Trường hợp nhà thầu chào hàng hóa tương đương. Yêu cầu có bảng so sánh chứng minh thông số kỹ thuật (chi tiết) của tất cả các hàng hóa tương đương hoặc tốt hơn.

- Xuất xứ hàng hóa: Nhà thầu phải chào hàng hóa được sản xuất năm 2024 trở lại đây, mới 100% chưa qua sử dụng, có xuất xứ rõ ràng trong E-HSMT bao gồm tên Nhà sản xuất, quốc gia hoặc vùng lãnh thổ sản xuất hàng hóa.

- Yêu cầu về bảo hành: Bảo hành tối thiểu 12 tháng, hoặc theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, kể từ ngày nghiệm thu bàn giao

- Nhà thầu có cam kết hoàn thiện, lắp đặt hoàn chỉnh, được Chủ đầu tư/đơn vị sử dụng nghiệm thu;

- Trong thời gian bảo hành, khi có sự cố, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản liên lạc bằng văn bản hoặc qua điện thoại với nhà thầu cung cấp tài sản mô tả hiện tượng của sự cố để được hướng dẫn cách xử lý. Nếu không xử lý được, chậm nhất sau 24 tiếng kể từ khi nhận được yêu cầu, Bên B phải cử cán bộ đến hiện trường kiểm tra và sửa chữa. Nếu không sửa chữa được thì phải khắc phục, thay thế bằng thiết bị hoặc linh kiện khác có tính năng tương đương, chất lượng bằng hoặc cao hơn trước mà không được yêu cầu thanh toán. Mọi chi phí thực tế phát sinh để phục vụ bảo hành thiết bị Bên B sẽ chi trả (đối với lỗi của nhà sản xuất (hãng sản xuất)).

**Mục 2. Bản vẽ:** Không có bản vẽ

**Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm**

Kiểm tra chung về hàng hóa (nhãn mác, chất lượng, xuất xứ, nguyên liệu, quy cách ...).

Kiểm tra các chỉ tiêu, thông số của hàng hóa so với yêu cầu E-HSMT.

Sau khi hoàn thành các nội dung về Kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa, nhà thầu không được miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng.